

Số: /GPMT-UBND

Điện Biên, ngày tháng năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật  
Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 296/TTr-  
STNMT ngày 25 tháng 8 năm 2023 (kèm theo hồ sơ xin cấp Giấy phép môi  
trường của Sở Y tế tỉnh Điện Biên).*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Sở Y tế tỉnh Điện Biên, địa chỉ tại tổ dân phố 14, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Bệnh viện Y Dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của cơ sở**

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Y Dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ 13, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

1.3. Quyết định thành lập và chủ trương đầu tư: Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh về kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế tỉnh Điện Biên; Quyết định số 3005/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh về phê duyệt dự án đầu tư công trình Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám chữa bệnh.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

1.5.1. Phạm vi, quy mô

- Phạm vi của cơ sở: Công trình dân dụng cấp III, tổng diện tích 11.728 m<sup>2</sup>.

- Công suất: 100 giường bệnh nội trú.

1.5.2. Hiện trạng cơ sở hạ tầng

- Các hạng mục chính: Nhà khoa dinh dưỡng + sắc thuốc (01 tầng); nhà liên khoa phụ ngoại (02 tầng); nhà chiếu chụp (chẩn đoán hình ảnh) (01 tầng); nhà khoa dược (01 tầng); nhà thủ thuật (01 tầng); nhà hành chính – xét nghiệm (02 tầng); nhà khám bệnh và điều trị ngoại trú (02 tầng); nhà khoa kiểm soát nhiễm khuẩn (01 tầng); nhà điều hành (02 tầng); nhà hoạt động trị liệu, vận động (01 tầng); nhà khoa nội + phụ ngoại (03 tầng); nhà phục hồi chức năng + cấp cứu (03 tầng).

- Các hạng mục phụ trợ: Nhà bảo vệ; nhà gara xe bệnh nhân; sân đường nội bộ; cổng, tường rào, hệ thống điện chiếu sáng ngoài trời, nhà đặt máy bơm, bồn hoa cây cảnh...

1.5.3. Các hạng mục nâng cấp, sửa chữa

- Hạng mục chính: Nhà khám bệnh - hành chính (03 tầng); nhà khoa nhiễm khuẩn (02 tầng); nhà gara ô tô (01 tầng); nhà thủ thuật (01 tầng).

- Hạng mục phụ trợ: Nhà bảo vệ; nhà gara xe bệnh nhân; sân đường nội bộ; hệ thống điện chiếu sáng ngoài trời, nhà đặt máy bơm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Y tế tỉnh Điện Biên có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng và đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, khí thải.

2.2. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày            tháng            năm 2023 đến ngày            tháng            năm 2033).

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Điện Biên Phủ và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Bệnh viện Y Dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Y tế;
- UBND thành phố Điện Biên Phủ;
- Bệnh viện Y Dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh (02 bản);
- UBND phường Mường Thanh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị;
- Lưu VT, KTN<sub>(LNH)</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Đức Toàn**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU**  
**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND*  
*ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 1: Nước thải y tế từ các khoa phòng trong Bệnh viện.
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt của nhân viên y tế, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.
- Nguồn số 3: Nước thải từ khu vực nhà bếp (khoa dinh dưỡng).
- Nguồn số 4: Nước thải từ khu giặt (khoa kiểm soát nhiễm khuẩn).

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống công thoát nước chung khu vực dẫn ra suối Hồng Lú tại tổ dân phố 13, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 103<sup>0</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>) X(m) = 2365385; Y(m) = 502312.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 50 m<sup>3</sup>/ngày, đêm; tương đương 2,08 m<sup>3</sup>/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Xả thải bằng phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNM T, cột B với K=1,2	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	mg/L	6,5-8,5	01 lần/năm	Không thuộc đối tượng
2	BOD <sub>5</sub>	mg/L	60		
3	COD	mg/L	120		
4	TSS	mg/L	120		

5	Sunfua	mg/L	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	12		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/L	60		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/L	12		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	24		
10	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	0,12		
11	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	1,2		
12	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		
13	Salmonella	VK/100ml	KPH		
14	Shigella	VK/100ml	KPH		
15	Vibrio cholerae	VK/100ml	KPH		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom nước thải**

- Nước thải sinh hoạt, nước thải y tế, nước giặt từ các điểm phát sinh thu gom theo đường ống  $\Phi 110$  nối từ các nhà ra hố ga với tổng chiều dài 120 m vào hệ thống thu gom nước thải chung của Bệnh viện theo 3 nhánh chính:

+ Nhánh 1: Thu gom nước thải phát sinh từ các tòa nhà chuẩn đoán hình ảnh, khoa nội - phụ ngoại, phục hồi chức năng, cấp cứu, nhà thủ thuật. Đường ống uPVC  $\Phi 315$ , dài 288,7 m, trên đường ống thu gom có bố trí 7 hố ga.

- Nhánh 2: Thu gom nước thải từ các tòa nhà khoa dược, khoa dinh dưỡng (nhà ăn). Đường ống uPVC  $\Phi 150$ , dài 250,3 m, trên đường ống thu gom có bố trí 4 hố ga.

+ Nhánh 3: Thu nước thải từ các nhà khám bệnh, nhà hoạt động trị liệu, khoa nhiễm khuẩn, nhà giặt. Đường ống uPVC  $\Phi 150$ , dài 250,3 m, trên đường ống thu gom có bố trí 6 hố ga.

- Nước thải được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung công suất  $50\text{m}^3/\text{ngày}$  để xử lý. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, K=1,2) và thoát ra hệ thống thoát nước chung khu vực.

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

##### **1.2.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt**

Bể tự hoại 03 ngăn: Có tổng số 12 (kích thước mỗi bể  $4,2\text{m} \times 3\text{m} \times 1,5\text{m} = 18,9\text{m}^3$ ) với tổng dung tích là  $226,8\text{m}^3$ .

### 1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải y tế

- Tóm tắt quy trình xử lý sơ bộ nước thải y tế: Nước thải → Bể điều hòa → Bể trung gian → Bể phản ứng + lắng → Bể lọc → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50m<sup>3</sup>/ngày, đêm.

- Tóm tắt quy trình hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50m<sup>3</sup>/ngày: Nước thải sinh hoạt + nước thải y tế sau xử lý sơ bộ → Bể thu gom → lưới chắn rác/song chắn rác → ngăn điều hòa → ngăn hiếu khí (chứa đệm vi sinh) → ngăn chứa vật liệu lọc → khử trùng → nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn được thải ra suối Hồng Lú tại tổ dân phố 26, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không

## 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

2.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**Phụ lục 2**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI KHÍ THẢI**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND*  
*ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải**

Khí thải phát sinh từ quá trình xử lý chất thải rắn y tế của lò đốt rác thải y tế của Bệnh viện.

**2. Vị trí phát sinh**

- Vị trí xả thải: Ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò đốt rác thải y tế.

- Tọa độ điểm xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 103<sup>0</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>): X(m)= 2365390; Y(m)= 502321.

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 280 m<sup>3</sup>/h.

- Phương thức xả thải: Gián đoạn.

**3. Chất lượng khí thải**

Đảm bảo theo quy định tại QCVN 02:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải lò đốt chất thải rắn y tế, cụ thể:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 02:2012/ BTNMT, cột B	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	115	01 lần/năm	Không thuộc đối tượng
2	HCl	mg/Nm <sup>3</sup>	50		
3	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	200		
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	300		
5	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	300		
6	Hg và hợp chất của Hg	mg/Nm <sup>3</sup>	0,5		
7	Cd và hợp chất của Cd	mg/Nm <sup>3</sup>	0,16		
8	Pb và hợp chất của Pb	mg/Nm <sup>3</sup>	1,2		
9	Tổng Dioxin/furan	ngTEQ/Nm <sup>3</sup>	2,3	Không thực hiện quan trắc định kỳ <sup>(*)</sup>	

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý

Nguồn thải: Bụi, khí thải phát sinh từ lò đốt rác thải y tế được thu gom bằng đường ống về Cyclone được lắp đồng bộ với lò đốt rác thải y tế để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Thiết bị xử lý bụi, khí thải được lắp đồng bộ với lò đốt rác thải y tế, khí thải sau thiết bị xử lý được thoát ra ngoài môi trường thông qua 01 ống khói.

- Công suất: 280 m<sup>3</sup>/h.

- Hóa chất sử dụng: Dung dịch Ca(OH)<sub>2</sub> (nước sữa vôi).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Các nguồn phát sinh khí thải phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

3.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm khí thải tại cơ sở.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc đốt chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

*\* Ghi chú: Đối với chỉ tiêu Tổng Dioxin/furan, PPCĐ/PCDF: Tải lượng phát thải khi đốt rác thải y tế theo tài liệu của EPA thì nồng độ Dioxin/Furan phát thải khi lò đốt rác hoạt động là  $6 \times 10^{-10}$  mg/m<sup>3</sup> nhỏ hơn rất nhiều lần so với QCVN 02:2012/BTNMT (cột B) là 2,3 mg/m<sup>3</sup>. Do đó, chủ cơ sở cam kết chỉ tiêu tổng Dioxin/furan nằm trong giới hạn cho phép tại QCVN 02:2012/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải lò đốt chất thải rắn y tế, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về kết quả quan trắc của cơ quan có thẩm quyền và xin lược bỏ thông số này trong chương trình giám sát định kỳ hàng năm.*



**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND*  
*ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 1: Phòng đặt máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 2: Phòng đặt máy bơm 1.
- Nguồn số 3: Phòng đặt máy bơm 2.

**2. Vị trí phát sinh**

Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục  $103^0$ , múi chiếu  $3^0$ ):

- Vị trí 1: Phòng đặt máy phát điện dự phòng, tọa độ X = 2365446; Y = 502223.

- Vị trí 2: Phòng đặt máy bơm 1, tọa độ X = 2365458; Y = 502255.

- Vị trí 3: Phòng đặt máy bơm 2, tọa độ X = 2365399; Y = 502200.

**3. Tiếng ồn, độ rung**

Phải đảm bảo theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung; giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

STT	Thông số	QCVN 26:2010/BTNMT	QCVN 27:2010/BTNMT
1	Tiếng ồn	70 dBA	
2	Độ rung		75dB

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại dự án.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND*  
*ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Khối lượng, chủng loại các loại CTNH phát sinh thường xuyên, như sau:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
<b>I</b>	<b>Tổng lượng chất thải lây nhiễm</b>		<b>1.900</b>	
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: Kim tiêm, bơm liên kim tiêm, đầu sắc nhọn của dây truyền, kim chọc dò, kim châm cứu, lưỡi dao mổ, đinh, cưa dùng trong phẫu thuật, các ống tiêm, mảnh thủy tinh vỡ, các vật sắc nhọn khác đã qua sử dụng thải bỏ có dính, chứa máu của cơ thể hoặc chứa vi sinh vật gây bệnh;	Rắn	500	
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: Băng, băng, gạc, găng tay, các chất thải không sắc nhọn khác thấm, dính, chứa máu của cơ thể, chứa vi sinh vật gây bệnh; vỏ lọ vắc xin thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực thải bỏ; chất thải lây nhiễm dạng lỏng (bao gồm dịch dẫn lưu sau phẫu thuật, thủ thuật y khoa, dịch thải bỏ chứa máu của cơ thể người hoặc chứa vi sinh vật gây bệnh).	Rắn/lỏng	900	13 01 01
3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao: Mẫu bệnh phẩm, dụng cụ đựng, dính mẫu bệnh phẩm, chất thải dính mẫu bệnh phẩm thải bỏ từ các phòng xét nghiệm tương đương an toàn sinh học cấp II trở lên; các chất thải phát sinh từ buồng bệnh cách ly, khu vực điều trị cách ly, khu vực lấy mẫu xét nghiệm người	Rắn/lỏng	450	

	bệnh mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm nhóm A, nhóm B.			
4	Chất thải giải phẫu: Mô, bộ phận cơ thể người thải bỏ, xác động vật thí nghiệm.	Rắn	50	
<b>II</b>	<b>Tổng lượng chất thải không lây nhiễm</b>		<b>200</b>	
1	Hóa chất thải bỏ có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất (hóa chất dùng trong xét nghiệm, dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào...)	Rắn/lỏng	200	13 01 02
<b>III</b>	<b>Chất thải nguy hại khác</b>		<b>300</b>	
1	Pin/ắc quy chì thải	Rắn	100	16 01 12
2	Bao bì dính nhiễm thành phần nguy hại (bao bì đựng hóa chất,...)	Rắn	100	18 01 01
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	100	16 01 06
<b>Tổng</b>			<b>2.400</b>	

1.2. Chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế: Khối lượng phát sinh khoảng 270 kg/ngày.

1.3. Chất thải thông thường sử dụng để tái chế: Khối lượng phát sinh khoảng 12,3 kg/ngày.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế nguy hại

- Chất thải nguy hại lây nhiễm: Túi, hộp màu vàng, thùng chứa màu vàng có nắp đậy, dung tích 120 lít, số lượng 8 thùng.

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm: Thùng chứa màu đen có nắp đậy, dung tích có 240 lít, số lượng 4 thùng.

- Kho lưu chứa chất thải: Kho chứa chất thải lây nhiễm diện tích 9,6 m<sup>2</sup>; được xây dựng kiên cố; nền kho, tường bên trong kho lát gạch granite chống thấm, cao độ nền kho cao hơn cao độ nền sân 30 cm, đảm bảo không bị nước mưa xâm nhập. Tọa độ kho lưu chứa chất thải: X(m) = 2365392; Y(m) = 502323 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 103<sup>0</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>).

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế: Bố trí các thùng chứa màu trắng có nắp đậy, dung tích 240 l.

- Chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế: Bố trí các thùng

chứa chất thải màu xanh có nắp đậy, dung tích 120 l.

- Kho lưu chứa chất thải:

+ Kho chứa chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế: có diện tích khoảng 30 m<sup>2</sup>, được xây kiên cố, tường gạch, khung thép hộp, mái lợp tôn mạ màu, bảo đảm không bị nước mưa xâm nhập.

+ Kho chứa chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế: Kho có diện tích 9,6 m<sup>2</sup>. Kết cấu khung thép, nền chống thấm, có mái che bằng tôn. Cao độ nền kho cao hơn cao độ nền sân 30 cm, đảm bảo không bị nước mưa xâm nhập.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ, an toàn vệ sinh thực phẩm và phòng chống dịch, sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ.

**Phụ lục 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND  
ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Trồng cây xanh trong khu vực dự án đảm bảo tỷ lệ theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt.

5. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải có Văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền để được kiểm tra và hướng dẫn.

6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ.